

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST
Ngày: 06 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Công.
2. Ông Nguyễn Tự Tín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST - HS, ngày 21 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST - HS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp B, xã LH, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1963 và bà Lê Thị Q, sinh năm: 1964. Anh chị em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1997; Vợ tên Hồ Diễm P, sinh năm 1988; con có 01 người sinh năm 2018.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/8/2020 và chuyển tạm giam ngày 29/8/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Hồ Thị T2, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

3. Bà Hồ Diễm P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 19 tháng 8 năm 2020, Nguyễn Văn T thuê xe ô tô biển kiểm soát 84A - 042.78 của Trầm Văn T1 với mục đích đến thị xã K, tỉnh L mua thuốc lá điều nhập lậu về tỉnh T bán lấy tiền lời. Nguyễn Văn T một mình điều khiển xe từ Thành phố TV và liên hệ với người bán thuốc lá chỉ dẫn địa điểm nhận thuốc lá. Khi đến khu phố 6, phường 2, thị xã K, tỉnh L thì có 02 đối tượng nam điều khiển trên 02 xe mô tô và 03 đối tượng nam điều khiển 03 xe mô tô vận chuyển thuốc lá giao cho Nguyễn Văn T với số lượng và các loại thuốc lá đã đặt trước. Khi đi mua thuốc lá Nguyễn Văn T mang theo số tiền khoảng 116.500.000đồng (đây là tiền cá nhân Nguyễn Văn T) và 150.000.000đồng (tiền mượn của Hồ Thị T2).

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20 tháng 8 năm 2020 sau khi nhận và kiểm tra thuốc lá xong, Nguyễn Văn T trả 150.000.000đồng cho một trong hai đối tượng đi trên xe mô tô không chở thuốc lá, tiền đủ hoặc thiếu Nguyễn Văn T sẽ tính toán sau với đối tượng bán thuốc lá. Sau khi trả tiền xong, Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 84A - 042.78 về tỉnh T, đến 03 giờ 30 phút ngày 20 tháng 8 năm 2020 khi Nguyễn Văn T đến Trạm thu phí cầu Cổ chiên thuộc ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T thì bị Công an huyện C bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật nói trên. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C Nguyễn Văn T đã thừa nhận có quen biết người phụ nữ tên H (khoảng 40) tuổi bán tạp hóa tại chợ CT, tỉnh T; người phụ nữ tên D (khoảng 45 tuổi) bán tạp hóa gần chợ M (chợ G) thuộc xã M, huyện C, tỉnh T và người đàn ông tên H (khoảng 40 tuổi) ở gần cầu T thuộc thị trấn TC, huyện TrC, tỉnh T (chỉ nghe các đương sự nói lại địa chỉ chứ bản thân Nguyễn Văn T không biết cụ thể). Vào ngày 19/8/2020 các đương sự trên đặt mua từ Nguyễn Văn T 890 cây thuốc lá điều các loại, cụ thể: Bà H1 đặt mua 200 cây (2000 bao) thuốc lá hiệu HERO và 100 cây (1000 bao) thuốc lá hiệu JET; bà D đặt mua 140 cây (1400 bao) thuốc lá hiệu HERO, 110 cây (1100 bao) thuốc lá hiệu JET và 40 cây (400 bao) thuốc lá hiệu SCOTT; ông H2 đặt mua 200 cây (2000 bao) thuốc lá hiệu HERO và 100 cây (1000 bao) thuốc lá hiệu JET. Nguyễn Văn T và các đương sự thỏa thuận giá bán như sau: thuốc lá JET giá 170.000đồng/cây thuốc lá (10 bao), thuốc lá HERO giá 160.000đồng/cây thuốc lá (10 bao), thuốc lá SCOTT giá 150.000đồng/cây thuốc lá (10 bao).

Sau đó Nguyễn Văn T điện thoại đặt mua từ một người đàn ông do quen biết qua mối quan hệ xã hội không rõ địa chỉ tại tỉnh L, số lượng thuốc lá tương ứng như trên với giá các loại như sau: thuốc lá JET giá 160.000đồng/cây thuốc lá (10 bao), thuốc lá HERO giá 150.000đồng/cây thuốc lá (10 bao), thuốc lá SCOTT giá 140.000đồng/cây thuốc lá (10 bao). Mỗi cây thuốc lá (10 bao) mua về Nguyễn Văn T bán lại sẽ lời 10.000đồng.

Tại cáo trạng số: 07/CT - VKS - HS, ngày 20/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Buôn bán hàng*

cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “*Buôn bán hàng cấm*” và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là: Vào lúc 03 giờ 30 phút ngày 20/8/2020 tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi buôn bán hàng cấm (thuốc lá điều) bị Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh bắt quả tang trên xe ô tô mang biển kiểm soát 84A - 042.78 tổng số 8.900 bao thuốc lá điều (trong đó 5400 bao thuốc lá hiệu HERO; 3100 bao thuốc lá hiệu JET; 400 bao thuốc lá hiệu SCOTT).

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Mau: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù, về “*tội buôn bán hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/8/2020.

Về bồi thường dân sự: Ông Trầm Văn T1 có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường tiền trả Ngân hàng do xe ô tô biển kiểm soát: 84A - 042.78 mua trả góp và bị Công an huyện C tạm giữ với số tiền là 32.000.000đồng. Bà Hồ Thị T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T trả số tiền mượn là 150.000.000đồng. Đây là giao dịch dân sự nên không giải quyết trong vụ án này; ông T1 và bà T2 được khởi kiện trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo theo quy định.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo có mặt, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm b, khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội; bởi vì hành vi của bị cáo xâm hại đến chính sách quản lý đối với các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh trong đó có thuốc lá điều, bản thân bị cáo là người nhận thức rất rõ buôn bán hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vì ham lợi nhuận và muốn có thêm tiền tiêu sài mà bị cáo đã bất chấp và xem thường pháp luật, cố ý trốn tránh qua mặt các cơ quan chức năng thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm vào đêm khuya, thực hiện lẻ lỉnh một mình với số lượng đặc biệt lớn là 8.900 bao thuốc lá điều (trong đó 5400 bao thuốc lá hiệu HERO; 3100 bao thuốc lá hiệu JET; 400 bao thuốc lá hiệu SCOTT).

Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, đủ năng lực hành vi, bị cáo có công việc, có thu nhập đủ nuôi sống gia đình hơn hết bản thân bị cáo đã từng là một chiến sĩ Công an nhân dân; đáng lý ra bị cáo phải làm gương cho người dân, phải nêu cao tinh thần chiến đấu, phải ngăn chặn đẩy lùi các hành vi sai trái trong đó có việc buôn bán hàng cấm để ổn định tình hình trật tự địa phương nhưng bị cáo không làm được những việc này mà bị cáo thấy công việc buôn bán hàng cấm cho người khác không phải tốn nhiều công sức mà vẫn có thu nhập cao từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp là rất nghiêm trọng, buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều với số lượng đặc biệt lớn là 8.900 bao. Thuốc lá điều đã gây thiệt hại về kinh tế cho nhà nước, làm bất ổn định thị trường hàng hóa khi đưa hàng gian, hàng lậu vào buôn bán, gây thất thu thuế rất lớn cho nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một mình thể hiện bị cáo rất liều lĩnh. Bị cáo trực tiếp liên hệ với các tiệm tạp hóa để tìm phương án bán hàng cấm ra ngoài, trực tiếp thuê và điều khiển phương tiện vận chuyển hàng là xe ô tô biển số 84A - 042.78, nhãn hiệu: TOYOTA của ông Trầm Văn T1 để đi giao hàng cho những đầu mối đã đặt hàng với số lượng đặc biệt lớn là 8.900 bao thuốc lá điều (trong đó 5400 bao thuốc lá hiệu HERO; 3100 bao thuốc lá hiệu JET; 400 bao thuốc lá hiệu SCOTT). Bị cáo bất chấp hậu quả và thực hiện hành vi đến cùng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng Nhân dân. Để ổn định tình hình trật tự ở địa phương, vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra,

cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cũng cần xem xét:

Bị cáo Nguyễn Văn T sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Nguyễn Văn T được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, giám đốc Công an tỉnh Trà Vinh tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở nhiều năm liền, có nhiều bằng khen khác, có ông nội là liệt sĩ và nhiều người thân tham gia cách mạng là liệt sĩ, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T có hai tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng. Nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử tuột khung hình phạt cho bị cáo.

Đối với đối tượng bán thuốc lá và các đối tượng vận chuyển thuốc lá đến giao cho Nguyễn Văn T tại khu phố 6, phường 2, thị xã K, tỉnh L quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Trầm Văn T1 cho Nguyễn Văn T thuê xe ô tô biển kiểm soát 84A - 042.78 không biết Nguyễn Văn T sử dụng xe trên để buôn bán thuốc lá điều nhập lậu nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Hồ Thị T2 cho Nguyễn Văn T mượn số tiền 150.000.000đồng nhưng sau đó Nguyễn Văn T sử dụng 34.000.000đồng để trả tiền mua thuốc lá, bà T2 không biết nên không có căn cứ xử lý.

Đối với D, H1, H2 (không rõ họ tên, địa chỉ) là người đặt mua thuốc lá từ Nguyễn Văn T. Qua xác minh không xác định được nhân thân lai lịch địa chỉ các đương sự trên, khi xác định được sẽ xử lý sau.

[4] Về bồi thường dân sự: Ông Trầm Văn T1 có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường tiền trả Ngân hàng do xe ô tô biển kiểm soát: 84A - 042.78 mua trả góp và bị Công an huyện C tạm giữ với số tiền là 32.000.000đồng. Bà Hồ Thị T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T trả số tiền mượn là 150.000.000đồng. Hội đồng xét thấy đây là giao dịch dân sự nên không giải quyết trong vụ án này; ông T1 và bà T2 được khởi kiện trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[5] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát: 84A - 042.78, nhãn hiệu: TOYOTA, màu sơn: đồng, số máy: 1TRA552179, số khung: RL4JW3EM9J3360871 bị cáo thuê của ông Trầm Văn T1 để làm phương tiện đi lại, nhưng bị cáo T sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội mà ông T1 hoàn toàn không biết nên ngày 10/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả xe cho ông T1.

- 540 cây (5400 bao) thuốc lá hiệu HERO;
- 310 cây (3100 bao) thuốc lá hiệu JET;
- 40 cây (400 bao) thuốc lá hiệu SCOTT;
- 39 (ba mươi chín) túi nilon màu đen;

Đây là vật chứng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam đồng: 116.420.000đồng là tiền của bị cáo T nên giao trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, loại bàn phím, số SERI 351538040759460 là của bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị Nguyễn Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Áp dụng các Điều 45, 260, 268, 269, 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 190; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/8/2020.

2. Về bồi thường dân sự: Ông Trầm Văn T1 có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường với số tiền là 32.000.000đồng. Bà Hồ Thị T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T trả số tiền mượn là 150.000.000đồng. Đây là giao dịch dân sự nên ông T1 và bà T2 được khởi kiện trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 540 cây (5400 bao) thuốc lá hiệu HERO; 310 cây (3100 bao) thuốc lá hiệu JET; .40 cây (400 bao) thuốc lá hiệu SCOTT; 39 (ba mươi chín) túi nilon màu đen.

- Giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn T: Số tiền Việt Nam 116.420.000đồng.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, loại bàn phím, số SERI 351538040759460.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 2 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh